

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HUẾ

Số: ~~1006~~/CBTT-DMH

Mẫu số 01-A
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày 14 tháng 08 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Dệt May Huế thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên soát xét năm 2026 như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Dệt May Huế

- Mã chứng khoán: HDM
- Địa chỉ: Số 122 Dương Thiệu Tước, Phường Thanh Thủy, Huế, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0234.3.864.337
- Email: contact@huegatex.com.vn Website: huegatex.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên soát xét năm 2026:

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC bán niên năm 2026 được soát xét):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC bán niên năm 2026 được soát xét):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:



☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 14/8/2026 tại đường dẫn: <https://huegatex.com.vn/vi/co-dong>.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Văn thư.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC bán niên;

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HUẾ



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hồng Liên



Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số	3103000140	ngày 17 tháng 11 năm 2005
	3300100628 (thay đổi lần thứ 1)	ngày 21 tháng 5 năm 2012
	3300100628 (thay đổi lần thứ 2)	ngày 10 tháng 11 năm 2016
	3300100628 (thay đổi lần thứ 3)	ngày 17 tháng 2 năm 2017
	3300100628 (thay đổi lần thứ 4)	ngày 9 tháng 4 năm 2018
	3300100628 (thay đổi lần thứ 5)	ngày 30 tháng 12 năm 2021
	3300100628 (thay đổi lần thứ 6)	ngày 22 tháng 7 năm 2022
	3300100628 (thay đổi lần thứ 7)	ngày 29 tháng 6 năm 2023
	3300100628 (thay đổi lần thứ 8)	ngày 31 tháng 12 năm 2024
	3300100628 (thay đổi lần thứ 9)	ngày 4 tháng 1 năm 2025
	3300100628 (thay đổi lần thứ 10)	ngày 1 tháng 7 năm 2025

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3300100628 ngày 1 tháng 7 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Huế cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Đức Trị Ông Nguyễn Văn Phong Bà Nguyễn Hồng Liên Ông Lê Hồng Quân Bà Trần Thị Thuần	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Điều hành	Bà Nguyễn Hồng Liên Ông Lê Hồng Quân Ông Nguyễn Tiến Hậu Ông Đào Văn Tư Bà Trần Thị Thuần Ông Nguyễn Bá Khánh Tùng Bà Nguyễn Khánh Chi	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Giám đốc điều hành Kế toán trưởng
Ban Kiểm soát	Bà Phan Nữ Quỳnh Anh Bà Phạm Thị Vân Hà Ông Hồ Nam Phong	Trưởng ban Thành viên Thành viên
Trụ sở đăng ký	Số 122 Dương Thiệu Tước, Phường Thanh Thủy Thành phố Huế, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Báo cáo của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Dệt May Huế (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 51 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Điều hành

Nguyễn Hồng Liên
Tổng Giám đốc

Thành phố Huế, ngày 14 tháng 8 năm 2026



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Keangnam Landmark 72,
Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dệt May Huế**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Dệt May Huế (“Công ty”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 51.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

204.
NG
NHI
PN
PHỔ



Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dệt May Huế tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 26-04-00038-26-1



Trương Vĩnh Phúc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Nguyễn Thùy Trang

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3846-2022-007-1



Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026 VND	1/1/2026 VND (Đã phân loại lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 160)	100		873.499.916.245	1.019.646.241.689
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	10	25.443.504.909	131.655.656.084
Tiền	111		25.443.504.909	7.891.327.316
Các khoản tương đương tiền	112		-	123.764.328.768
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		257.161.906.856	189.075.060.274
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	11(a)	257.161.906.856	189.075.060.274
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		298.571.168.924	430.120.681.666
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	12	250.420.941.264	361.141.372.899
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	13	46.253.899.508	50.443.746.901
Phải thu ngắn hạn khác	135	14	8.511.234.839	25.120.329.102
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	15	(6.614.906.687)	(6.584.767.236)
Hàng tồn kho	140	16	233.270.327.755	239.344.650.548
Hàng tồn kho	141		233.672.316.031	240.688.260.600
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(401.988.276)	(1.343.610.052)
Tài sản ngắn hạn khác	160		59.053.007.801	29.450.193.117
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		3.208.122.528	3.215.508.944
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		55.844.885.273	26.234.684.173

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026 VND	1/1/2026 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260 + 270)	200		434.021.054.724	356.127.504.822
Các khoản phải thu dài hạn	210		921.000.000	921.000.000
Phải thu dài hạn khác	215		921.000.000	921.000.000
Tài sản cố định	220		234.882.740.124	253.873.776.171
Tài sản cố định hữu hình	221	17	234.780.330.061	253.714.607.272
Nguyên giá	222		1.118.663.139.142	1.111.140.934.305
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(883.882.809.081)	(857.426.327.033)
Tài sản cố định vô hình	227	18	102.410.063	159.168.899
Nguyên giá	228		3.647.399.579	3.647.399.579
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.544.989.516)	(3.488.230.680)
Tài sản dở dang dài hạn	250		181.361.930.859	87.148.925.420
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	19	181.361.930.859	87.148.925.420
Đầu tư tài chính dài hạn	260		10.038.129.478	10.018.455.897
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	11(b)	11.184.054.682	11.184.054.682
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(1.145.925.204)	(1.165.598.785)
Tài sản dài hạn khác	270		6.817.254.263	4.165.347.334
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	20	6.817.254.263	4.165.347.334
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		1.307.520.970.969	1.375.773.746.511

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026 VND	1/1/2026 VND (Đã phân loại lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		736.016.228.022	855.914.956.756
Nợ ngắn hạn	310		557.329.913.493	717.218.652.399
Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	130.645.029.633	63.521.886.442
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.366.148.534	2.489.978.219
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	22	139.830.732	30.291.297.317
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	23	11.216.415.981	14.727.276.867
Phải trả người lao động	315		164.688.316.462	167.523.185.567
Chi phí phải trả ngắn hạn	316		5.709.675.347	6.062.871.067
Phải trả ngắn hạn khác	320	24	3.095.474.179	2.971.943.348
Vay ngắn hạn	321	25(a)	170.850.007.079	380.297.738.871
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	26	67.619.015.546	49.332.474.701
Nợ dài hạn	330		178.686.314.529	138.696.304.357
Vay dài hạn	339	25(b)	142.686.314.529	102.696.304.357
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		36.000.000.000	36.000.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	27	571.504.742.947	519.858.789.755
Vốn cổ phần	411	28	200.962.590.000	200.962.590.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.962.590.000	200.962.590.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	29	192.714.171.744	147.478.956.722
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		177.827.981.203	171.417.243.033
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	420a		100.887.637.166	50.777.581.460
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		76.940.344.037	120.639.661.573
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.307.520.970.969	1.375.773.746.511

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Thân Thị Kim Phụng
Kế toán tổng hợp

Nguyễn Khánh Chi
Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Liên
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	1.044.550.766.697	1.103.139.568.073
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	31	327.477.525	5.239.400
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	31	1.044.223.289.172	1.103.134.328.673
Giá vốn hàng bán	11	32	886.578.974.356	942.841.829.683
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		157.644.314.816	160.292.498.990
Doanh thu hoạt động tài chính	22	33	19.956.523.152	23.720.042.190
Chi phí tài chính	23	34	11.399.071.618	14.529.349.495
Trong đó: Chi phí đi vay	24		7.751.047.007	7.596.782.601
Chi phí bán hàng	25	35	28.687.763.703	33.640.952.240
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	44.559.340.332	33.282.812.064
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (22 - 23) - (25 + 26)}	30		92.954.662.315	102.559.427.381
Thu nhập khác	31	37	8.189.303.898	5.634.444.666
Chi phí khác	32		5.828.354.145	2.655.472.195
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.360.949.753	2.978.972.471
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		95.315.612.068	105.538.399.852
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	39	18.375.268.031	18.823.584.877
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	39	-	1.978.722.309
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		76.940.344.037	84.736.092.666
Lãi trên cổ phiếu		40		Đã điều chỉnh lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		3.257	3.587

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Thân Thị Kim Phụng
Kế toán tổng hợp

Nguyễn Khánh Chi
Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Liên
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		95.315.612.068	105.538.399.852
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		27.927.652.086	30.528.021.911
Các khoản dự phòng	03		(931.155.906)	(512.021.206)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(123.330.403)	283.955.077
Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(12.213.799.534)	(5.189.586.479)
Chi phí đi vay	06		7.751.047.007	7.596.782.601
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		117.726.025.318	138.245.551.756
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		110.498.639.010	(70.410.282.083)
Giảm hàng tồn kho	10		7.015.944.569	51.811.835.365
Tăng các khoản phải trả	11		48.854.505.542	74.745.400.270
Tăng/(giảm) chi phí chờ phân bổ	12		(2.644.520.513)	1.640.363.653
			281.450.593.926	196.032.868.961
Chi phí đi vay đã trả	14		(7.328.254.033)	(7.449.747.692)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(21.580.860.632)	(13.065.619.953)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.007.850.000)	(4.021.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		245.533.629.261	171.496.401.316
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(96.165.359.301)	(43.138.958.727)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		73.909.091	290.286.196
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(197.000.000.000)	-
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		131.000.000.000	42.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27		10.053.043.861	4.665.642.743
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(152.038.406.349)	3.816.970.212

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2026 30/6/2025
VND VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay	33	661.062.780.623	651.727.311.992
Tiền trả nợ gốc vay	34	(830.620.079.336)	(685.420.308.502)
Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(30.151.466.585)	(39.644.828.930)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(199.708.765.298)	(73.337.825.440)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(106.213.542.386)	101.975.546.088
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	131.655.656.084	54.131.609.503
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.391.211	1.820.674
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70 10	25.443.504.909	156.108.976.265

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Người lập

 Thân Thị Kim Phụng
 Kế toán tổng hợp

Kế toán trưởng

 Nguyễn Khánh Chi
 Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật


 Nguyễn Hồng Liên
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dệt May Huế (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất sợi;
- Nhuộm và hoàn tất vải sợi;
- Sản xuất các mặt hàng và sản phẩm dệt may; và
- Kinh doanh các mặt hàng và sản phẩm dệt may.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 4.302 nhân viên (1/1/2026: 4.388 nhân viên).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

3. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố, có phân loại lại một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định cụ thể khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Công ty và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính:

- Các giao dịch bằng ngoại tệ (Thuyết minh số 4 (a));
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 4(c)(i));
- Các khoản phải thu (Thuyết minh số 4(d));
- Phải trả cổ tức, lợi nhuận (Thuyết minh số 4(k));

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Ngoại trừ các thay đổi theo quy định của Thông tư 99 được trình bày tại Thuyết minh 3, các chính sách kế toán khác được Công ty áp dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ (i) một phần của các khoản phải thu đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi, (ii) các khoản tiền gửi không kỳ hạn, và (iii) các khoản mục đã được dự phòng rủi ro hối đoái bằng các công cụ tài chính, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị phân bổ trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng tổn thất đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn hoặc được đánh giá là có khả năng không thu hồi được.

Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn thanh toán được tính toán dựa trên phân tích tuổi nợ và mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

Tỷ lệ dự phòng

Quá hạn từ 6 tháng – 1 năm	30%
Quá hạn từ 1 – 2 năm	50%
Quá hạn từ 2 – 3 năm	70%
Quá hạn trên 3 năm	100%

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn nhưng được đánh giá là không có khả năng thu hồi dựa trên các bằng chứng sẵn có tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm được trích lập dự phòng theo từng trường hợp cụ thể.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với sản phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ phù hợp theo mức công suất bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 10 năm
▪ tài sản cố định khác	2 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 10 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(j) Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả được thể hiện theo giá gốc.

(k) Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Các khoản phải trả cổ tức, lợi nhuận được ghi nhận tại thời điểm Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua việc phân phối cổ tức cho cổ đông và nghĩa vụ chi trả của Công ty trở nên vô điều kiện.

(l) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ này được trích lập từ thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo sự phê duyệt của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng cho đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ của Công ty.

(m) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối hàng năm theo sự phê duyệt của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

(n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Tuy nhiên, thu nhập từ tiền lãi không được ghi nhận đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được trích lập dự phòng tổn thất do không có khả năng thu hồi.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập cổ tức từ các cổ phiếu đã được đăng ký và lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) được ghi nhận vào ngày đăng ký cuối cùng. Thu nhập từ cổ tức từ các cổ phiếu chưa được đăng ký tại VSDC được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Chi phí sản xuất kinh doanh

Chi phí sản xuất kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp các chi phí liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, các khoản chi phí này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Ban Điều hành Công ty cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là sản xuất, kinh doanh và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về dệt may. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty được lập theo vùng địa lý dựa trên vị trí của khách hàng do địa điểm sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện toàn bộ tại Việt Nam.

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ – Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

5. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

6. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Điều hành thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

7. Các khoản mục bất thường

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

8. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

9. Báo cáo bộ phận chia theo vùng địa lý

Công ty gồm các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Châu Á
- Châu Âu
- Việt Nam
- Châu Mỹ

	Châu Á		Châu Âu		Việt Nam		Châu Mỹ		Tổng cộng	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	VND	30/6/2025	VND	30/6/2026	VND	30/6/2025	VND	30/6/2026	VND
Tổng doanh thu của bộ phận	610.448.445.886	931.945.174.113	3.729.406.537	40.135.309.114	90.307.775.294	131.053.845.446	339.737.661.455	-	1.044.223.289.172	1.103.134.328.673
Kết quả kinh doanh của bộ phận	72.753.206.868	136.807.015.468	682.364.398	5.685.371.255	12.725.093.937	17.800.112.267	71.483.649.613	-	157.644.314.816	160.292.498.990

Thu nhập không phân bổ	19.956.523.152	23.720.042.190		
Chi phí không phân bổ	(84.646.175.653)	(81.453.113.799)		
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh	92.954.662.315	102.559.427.381		
Thu nhập khác	8.189.303.898	5.634.444.666		
Chi phí khác	(5.828.354.145)	(2.655.472.195)		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(18.375.268.031)	(20.802.307.186)		
Lợi nhuận thuần sau thuế	76.940.344.037	84.736.092.666		

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

	Châu Á		Châu Âu		Việt Nam		Châu Mỹ		Tổng cộng	
	30/06/2026	1/1/2026	30/06/2026	1/1/2026	30/06/2026	1/1/2026	30/06/2026	1/1/2026	30/06/2026	1/1/2026
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản của bộ phận	119.551.786.638	124.134.761.374	-	-	31.347.671.407	19.829.952.004	99.521.483.219	217.176.659.521	250.420.941.264	361.141.372.899
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ					-				1.057.100.029.705	1.014.632.373.612
Tổng tài sản									1.307.520.970.969	1.375.773.746.511
Các khoản nợ của bộ phận	182.022.895	655.025.675	1.027.124.736		1.653.214.128	926.027.561	503.786.775	908.924.983	3.366.148.534	2.489.978.219
Các khoản nợ không phân bổ				-					732.650.079.488	853.424.978.537
Tổng nợ phải trả									736.016.228.022	855.914.956.756
Chi tiêu vốn										
Khấu hao tài sản cố định hữu hình									96.165.359.301	43.138.958.727
Khấu hao tài sản cố định vô hình									27.870.893.250	30.291.541.831
									56.758.836	236.480.080

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2026 30/6/2025

VND VND

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***10. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2026 VND	1/1/2026 VND (Đã phân loại lại)
Tiền mặt	273.048.047	335.216.330
Tiền gửi không kỳ hạn (*)	25.170.456.862	7.556.110.986
Các khoản tương đương tiền	-	123.764.328.768
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	25.443.504.909	131.655.656.084

(*) Chi tiết số dư tiền gửi không kỳ hạn như sau:

	30/06/2026 VND	1/1/2026 VND
Ngân hàng		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	19.467.326.798	1.458.287.243
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	4.616.940.678	4.717.720.105
Các ngân hàng khác	1.086.189.386	1.380.103.638
	25.170.456.862	7.556.110.986

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

		30/6/2026					
Đơn vị	Địa chỉ	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	Thành phố Huế, Việt Nam	5,00	5,00	7.495.524.000	7.495.524.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Bông và Kinh doanh Tổng hợp Miền Trung	Nha Trang, Việt Nam	7,12	7,12	650.000.000	265.748.481	(384.251.519)	(*)
Công ty Cổ phần Dệt may Thiên An Phát	Thành phố Huế, Việt Nam	6,45	6,45	1.500.000.000	1.500.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Dệt kim Vinatex	Hưng Yên, Việt Nam	2,65	2,65	1.008.000.000	246.326.315	(761.673.685)	(*)
Công ty Cổ phần Sợi Phú Việt	Thành phố Huế, Việt Nam	0,44	0,44	191.150.682	191.150.682	-	(*)
Công ty Cổ phần Sợi Phú Nam	Thành phố Huế, Việt Nam	0,70	0,70	248.770.000	248.770.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Sợi Phú Mai	Thành phố Huế, Việt Nam	0,24	0,24	90.610.000	90.610.000	-	(*)
				11.184.054.682	10.038.129.478	(1.145.925.204)	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

Số cổ phiếu nhận bằng cổ tức mà Công ty không ghi nhận doanh thu tài chính và chỉ theo dõi số lượng bao gồm:

	30/06/2026 Cổ phiếu	1/1/2026 Cổ phiếu
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	235.903	235.903
Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt May Thiên An Phát	624.144	624.144
Công ty Cổ phần Sợi Phú Việt	11.914	11.914
Công ty Cổ phần Sợi Phú Mai	4.367	4.367
Công ty Cổ phần Sợi Phú Nam	7.358	7.358

12. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	30/06/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Aurora Investments Global	86.514.678.870	-	217.176.659.521	-
Kam Hing Piece Works Ltd.	36.848.608.524	-	64.602.202.253	-
Sumtex Industrial Limited	26.568.865.749	-	4.946.571.164	-
Premier Exim (HK) Limited	16.217.341.165	-	70.929.440	-
Royal Pacific Corp.	12.991.512.731	-	-	-
Singtex Pte., Ltd	11.880.276.812	-	3.940.848.553	-
Fujian Fynex Textile Science & Technology Co.,Ltd.	2.527.903.591	-	33.005.158.222	-
Công ty TNHH Fashion Garments 2	1.215.930.207	-	3.650.329.783	-
Các khách hàng khác	55.655.823.615	(6.614.906.687)	33.748.673.963	(6.584.767.236)
	250.420.941.264	(6.614.906.687)	361.141.372.899	(6.584.767.236)

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	30/06/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Công ty liên quan trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam				
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	17.743.114	-	15.381.301	-
Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân	24.764.867	-	11.364.601	-
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	6.511.220	-	7.735.939	-
Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Trung tâm Thời trang Vinatex	16.484.580	-	27.822.620	-
	65.503.781	-	62.304.461	-

Các khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và thu được khi có yêu cầu.

13. Trả trước cho người bán ngắn hạn**Trả trước cho người bán ngắn hạn chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	30/06/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	-	64.800.000
Các bên thứ ba		
Công ty TNHH Hiệp Thành	12.203.326.395	13.941.193.431
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết kế Xây dựng An Thịnh Phát	6.147.211.104	-
Xinfengming Jiangsu Xintuo New Material Co., Ltd	6.003.390.249	949.696.900
Louis Dreyfus Company Suisse SA	4.485.945.309	850.176.600
Allenberg Cotton Co.	2.669.595.374	917.866.960
Viterra B.V.	-	12.031.837.065
Hangzhou Benma Chemfibre & Spinning Co., Ltd.	-	5.794.959.898
StoneX Switzerland SA.	-	5.545.262.342
Devcot S.A.S	-	466.341.900
Các nhà cung cấp khác	14.744.431.077	9.881.611.805
	46.253.899.508	50.443.746.901

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***14. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2026	1/1/2026
	VND	VND
		(Đã phân loại lại)
Ký quỹ tại ngân hàng (*)	6.834.360.000	22.456.761.643
Lãi phạt chậm thanh toán	404.531.282	404.531.282
Phải thu khác	1.272.343.557	2.259.036.177
	8.511.234.839	25.120.329.102

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, khoản ký quỹ này là các khoản tiền gửi ký quỹ thế chấp tại ngân hàng không có lãi để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 25).

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

15. Nợ xấu và nợ khó đòi

30/06/2026				1/1/2026			
Thời gian quá hạn	Giá trị gốc nợ VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá trị gốc nợ VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn							
Công ty TNHH Sản xuất							
Thương mại Dịch vụ							
Xuất nhập khẩu Hưng Thành Đạt	Trên 3 năm	2.824.257.828	(2.824.257.828)	-	Trên 3 năm	2.824.257.828	(2.824.257.828)
Ông Bùi Thế Quân	Trên 3 năm	2.646.126.716	(2.646.126.716)	-	Trên 3 năm	2.625.087.361	(2.625.087.361)
Ông Nguyễn Trọng Bùi	Trên 3 năm	735.929.142	(735.929.142)	-	Trên 3 năm	730.077.769	(730.077.769)
Taijiuh Garment Co., Ltd.	Trên 3 năm	408.593.001	(408.593.001)	-	Trên 3 năm	405.344.278	(405.344.278)
		6.614.906.687	(6.614.906.687)	-		6.584.767.236	(6.584.767.236)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			(6.614.906.687)				(6.584.767.236)

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***16. Hàng tồn kho**

	30/06/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	6.672.808.597	-	18.843.554.184	-
Nguyên vật liệu	135.489.953.647	(401.988.276)	106.291.991.381	(1.343.610.052)
Công cụ và dụng cụ	147.326.966	-	18.697.624	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	63.592.734.925	-	74.978.943.636	-
Sản phẩm	18.051.435.613	-	29.016.347.943	-
Hàng gửi đi bán	9.718.056.283	-	11.538.725.832	-
	233.672.316.031	(401.988.276)	240.688.260.600	(1.343.610.052)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 160.000 triệu VND (1/1/2026: 160.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 25).

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

17. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	302.897.610.161	763.683.411.145	24.692.962.296	10.398.721.593	9.468.229.110	1.111.140.934.305
Tăng trong kỳ	-	304.976.800	605.329.426	52.045.000	30.000.000	992.351.226
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	515.871.134	4.055.273.381	920.000.000	-	2.453.120.298	7.944.264.813
Thanh lý	-	(1.414.411.202)	-	-	-	(1.414.411.202)
Số dư cuối kỳ	303.413.481.295	766.629.250.124	26.218.291.722	10.450.766.593	11.951.349.408	1.118.663.139.142
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	204.396.569.090	617.623.331.790	19.419.884.945	9.875.961.032	6.110.580.176	857.426.327.033
Khấu hao trong kỳ	7.074.872.332	19.214.511.100	579.951.841	127.913.530	873.644.447	27.870.893.250
Thanh lý	-	(1.414.411.202)	-	-	-	(1.414.411.202)
Số dư cuối kỳ	211.471.441.422	635.423.431.688	19.999.836.786	10.003.874.562	6.984.224.623	883.882.809.081
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	98.501.041.071	146.060.079.355	5.273.077.351	522.760.561	3.357.648.934	253.714.607.272
Số dư cuối kỳ	91.942.039.873	131.205.818.436	6.218.454.936	446.892.031	4.967.124.785	234.780.330.061

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các tài sản có nguyên giá 669.742 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2026: 650.873 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 110.159 triệu VND (1/1/2026: 92.094 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 25).

PHỤ
TỤC
TÀI
CHÍNH
112

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

Các tài sản cố định hữu hình chủ yếu đang được sử dụng (trình bày theo giá trị còn lại):

	30/06/2026	1/1/2026
	VND	VND
Nhà xưởng chính và các hạng mục phụ trợ	27.486.967.725	28.126.919.661
Nhà sản xuất chính nhà máy May 4	22.498.546.030	23.163.464.404
Các tài sản khác	184.794.816.306	202.424.223.207
	234.780.330.061	253.714.607.272

18. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	3.647.399.579
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	3.488.230.680
Khấu hao trong kỳ	56.758.836
Số dư cuối kỳ	3.544.989.516
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	159.168.899
Số dư cuối kỳ	102.410.063

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các tài sản có nguyên giá 3.233 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2026: 3.233 triệu VND).

Các tài sản cố định vô hình chủ yếu đang được sử dụng:

	30/06/2026	1/1/2026
	VND	VND
Phần mềm quản lý bán hàng tại Cửa hàng Kinh doanh và giới thiệu sản phẩm	64.016.129	100.766.129
Phần mềm Bravo 7.0 cho nhà máy May 4	33.244.260	47.931.762
Các tài sản khác	5.149.674	10.471.008
	102.410.063	159.168.899

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***19. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	87.148.925.420	1.139.366.296
Tăng trong kỳ	102.157.270.252	31.979.504.046
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(7.944.264.813)	(3.490.130.727)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(147.000.000)
Số dư cuối kỳ	181.361.930.859	29.481.739.615

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

	30/06/2026	1/1/2026
	VND	VND
Các công trình xây dựng	153.429.823.773	86.644.516.160
Nâng cấp và cải tạo tài sản	27.512.107.086	84.409.260
Mua sắm tài sản cố định trước khi chạy thử	420.000.000	420.000.000
	181.361.930.859	87.148.925.420

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/06/2026	1/1/2026
	VND	VND
Nhà máy may 3 tầng (*)	145.344.350.000	86.336.349.798
Đầu tư bổ sung thiết bị sợi	27.273.607.086	-
Kho nguyên liệu tự động	7.641.484.664	-
Các công trình khác	1.102.489.109	812.575.622
	181.361.930.859	87.148.925.420

(*) Trong kỳ, chi phí đi vay được vốn hóa vào dự án Nhà máy may 3 tầng tương đương 2.075 triệu VND (2025: 685 triệu VND).

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***20. Chi phí chờ phân bổ dài hạn**

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu kỳ	4.165.347.334
Tăng trong kỳ	5.081.437.407
Phân bổ trong kỳ	(2.429.530.478)
Số dư cuối kỳ	6.817.254.263

21. Các khoản phải trả người bán**Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	30/06/2026 VND	1/1/2026 VND
Bên liên quan		
Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hà Nội	101.515.680	907.200.000
Các bên thứ ba		
Creative Concept (HK) Limited	39.997.997.008	3.596.314.036
Công ty TNHH In Hoa Ruijia Việt Nam	9.209.213.235	7.714.933.531
Rosy Blossom Limited	6.394.924.896	905.796.204
Yau Kuen Industrial Co., Ltd.	4.410.568.158	5.928.597.918
Công ty Cổ phần Nguồn Việt Nam	4.300.057.367	6.554.584.597
Colorful Textile & Apparels Co.,Ltd.	851.860.391	5.298.787.695
Các nhà cung cấp khác	65.378.892.898	32.615.672.461
	130.645.029.633	63.521.886.442

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***22. Phải trả cổ tức, lợi nhuận**

		30/06/2026	1/1/2026
		VND	VND
			(Đã phân loại lại)
Thời hạn thanh toán			
Cổ tức trả bằng tiền	Tháng 1 năm 2026	-	30.144.388.500
Cổ tức trả bằng tiền (*)	Trước năm 2026	139.830.732	146.908.817
		139.830.732	30.291.297.317

- (*) Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, số dư cổ tức phải trả chủ yếu bao gồm các khoản cổ tức đã được công bố nhưng chưa thanh toán do một số cổ đông thiếu số chưa cung cấp đầy đủ thông tin hoặc chưa thực hiện thủ tục nhận cổ tức.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2026 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	30/06/2026 VND
Thuế giá trị gia tăng	715.890.796	10.684.552.108	(10.843.976.712)	556.466.192
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.092.861.727	(1.092.861.727)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.880.860.632	18.375.268.031	(21.580.860.632)	9.675.268.031
Thuế thu nhập cá nhân	1.129.985.279	2.333.664.415	(3.311.431.351)	152.218.343
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	540.160	2.171.024.010	(1.339.100.755)	832.463.415
	14.727.276.867	34.657.370.291	(38.168.231.177)	11.216.415.981

24. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2026 VND	1/1/2026 VND (Đã phân loại lại)
Kinh phí công đoàn	1.073.810.073	904.725.791
Lãi vay ngân hàng	1.002.740.605	579.947.631
Các khoản phải trả khác	1.018.923.501	1.487.269.926
	3.095.474.179	2.971.943.348

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

25. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2026		Biến động trong kỳ		30/06/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ VND	
Vay ngắn hạn	366.007.804.543	619.341.664.898	(828.829.968.683)	(19.310.610)	156.500.190.148	
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 25(b))	14.289.934.328	1.847.438.346	(1.790.110.653)	2.554.910	14.349.816.931	
	380.297.738.871	621.189.103.244	(830.620.079.336)	(16.755.700)	170.850.007.079	

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/06/2026 VND	1/1/2026 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	4.0% - 5.3%	74.519.471.178	38.215.045.511
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	USD	3.5% - 3.7%	45.389.387.563	29.196.462.325
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	USD	3,50%	36.591.331.407	87.754.176.489
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	USD	3.2% - 3.3%	-	110.005.085.157
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2.3% - 3.8%	-	100.837.035.061
			156.500.190.148	366.007.804.543

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	30/06/2026 VND	1/1/2026 VND
Vay dài hạn		
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 25(a))	157.036.131.460 (14.349.816.931)	116.986.238.685 (14.289.934.328)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	142.686.314.529	102.696.304.357

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/06/2026 VND	1/1/2026 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	6,30%	2031	77.237.674.369	35.516.558.644
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (công ty mẹ) (*)	USD	SOFR 6 tháng + 0,7%	2039	79.798.457.091	81.469.680.041
				157.036.131.460	116.986.238.685

(*) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”), trị giá 3.035.777,87 USD tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (1/1/2026: 3.088.603,61 USD) và có hạn mức 7.018.550 USD.

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng được đảm bảo bằng một số khoản tiền gửi có kỳ hạn được ký quỹ tại ngân hàng (Thuyết minh 14), một số hàng tồn kho (Thuyết minh 16) và tài sản cố định của Công ty (Thuyết minh 17).

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	49.332.474.701	40.291.398.640
Trích lập trong kỳ	25.294.390.845	14.114.576.061
Sử dụng trong kỳ	(7.007.850.000)	(4.021.100.000)
Số dư cuối kỳ	67.619.015.546	50.384.874.701

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

27. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	200.962.590.000	127.478.956.722	84.892.157.521	413.333.704.243
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	84.736.092.666	84.736.092.666
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 26)	-	-	(14.114.576.061)	(14.114.576.061)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 29)	-	20.000.000.000	(20.000.000.000)	-
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	200.962.590.000	147.478.956.722	135.513.674.126	483.955.220.848
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	200.962.590.000	147.478.956.722	171.417.243.033	519.858.789.755
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	76.940.344.037	76.940.344.037
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 26)	-	-	(25.294.390.845)	(25.294.390.845)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 29)	-	45.235.215.022	(45.235.215.022)	-
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	200.962.590.000	192.714.171.744	177.827.981.203	571.504.742.947



Handwritten signature in red ink.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

28. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2026 và 1/1/2026	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	20.096.259	200.962.590.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	20.096.259	200.962.590.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	20.096.259	200.962.590.000
	20.096.259	200.962.590.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Vốn cổ phần chi tiết theo các cổ đông lớn như sau:

	30/6/2026 và 1/1/2026		
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %	Số vốn góp VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	12.230.122	60,86	122.301.220.000
Công ty TNHH Tường Long	1.710.635	8,51	17.106.350.000
Các cổ đông khác	6.155.502	30,63	61.555.020.000
	20.096.259	100	200.962.590.000

29. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị Quyết của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Tại cuộc họp ngày 20 tháng 4 năm 2026, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định trích lập quỹ đầu tư phát triển 45.235 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2025 (Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 2025: 20.000 triệu VND).

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***30. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính****(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Trong vòng một năm	1.837.984.280	1.837.984.280
Trong vòng hai đến năm năm	2.357.064.509	3.124.292.918
Sau năm năm	8.707.468.408	8.862.959.908
	12.902.517.197	13.825.237.106

✶ Các tài sản thuê hoạt động bao gồm:

	Số lượng	Thời hạn thuê	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Thuê đất	7	25 - 50	12.902.517.197	13.825.237.106

(b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2026		1/1/2026	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	843.390	22.169.340.235	198.933	5.189.731.528

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***(c) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công**

		30/06/2026	1/1/2026
	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ nhóm 1	Bộ	2	91
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ nhóm 2	Cái	1.887	3.719
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ nhóm 3	Đôi	-	1.222
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ nhóm 4	Gói	-	54
Nguyên phụ liệu nhận gia công nhóm 1	Bộ	486.496	153.556
Nguyên phụ liệu nhận gia công nhóm 2	Cái	42.082.093	24.959.640
Nguyên phụ liệu nhận gia công nhóm 3	Cuộn	224.283	119.913
Nguyên phụ liệu nhận gia công nhóm 4	Đôi	716	716
Nguyên phụ liệu nhận gia công nhóm 5	Gói	411.235	185
Nguyên phụ liệu nhận gia công nhóm 6	Kg	22	-
Nguyên phụ liệu nhận gia công nhóm 7	Mét	4.885.975	4.908.703
Nguyên phụ liệu nhận gia công nhóm 8	Yard	4.313.588	2.891.585

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 Công ty có các cam kết vốn cho các dự án đầu tư sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/06/2026	1/1/2026
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	216.433.180.360	236.666.761.398
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	90.551.684.309	112.065.276.828
	306.984.864.669	348.732.038.226

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***(e) Hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, theo các hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo, Công ty có các cam kết hoán đổi tiền tệ chéo nhằm phòng ngừa rủi ro tỷ giá đối với khoản vay bằng USD được ghi nhận là một khoản mục ngoài báo cáo tài chính như sau:

	30/06/2026		1/1/2026	
	Nguyên tệ USD	Tương đương VND	Nguyên tệ USD	Tương đương VND
Cam kết hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo	138.498,33	3.645.414.512	734.960,20	19.316.367.491

31. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán thành phẩm	1.000.064.500.367	1.024.966.749.007
▪ Doanh thu bán hàng hóa và phế liệu	16.958.326.541	19.214.482.692
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	27.527.939.789	58.958.336.374
	1.044.550.766.697	1.103.139.568.073
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(327.477.525)	(5.239.400)
	1.044.223.289.172	1.103.134.328.673

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***32. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Sản phẩm đã bán	848.709.600.654	884.037.406.823
Dịch vụ	21.684.694.952	43.080.376.548
Hàng hoá và phế liệu đã bán	17.126.300.526	16.387.500.838
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(941.621.776)	(663.454.526)
	886.578.974.356	942.841.829.683

33. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Lãi tiền gửi	7.389.912.359	1.802.724.283
Cổ tức	4.749.978.084	3.096.576.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.653.855.847	17.120.334.469
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	123.330.403	-
Thu nhập tài chính khác	1.039.446.459	1.700.407.438
	19.956.523.152	23.720.042.190

34. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Chi phí lãi vay	7.751.047.007	7.596.782.601
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.144.094.481	5.762.106.253
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	283.955.077
Chi phí tài chính khác	503.930.130	886.505.564
	11.399.071.618	14.529.349.495

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***35. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Chi phí nhân viên	621.450.177	564.802.454
Phí giám sát đơn hàng	7.615.263.151	10.081.157.503
Phí xử lý hàng ở cảng	1.379.097.978	1.447.400.546
Chi phí vận chuyển	12.701.533.171	16.594.063.883
Chi phí hoa hồng môi giới	4.293.469.144	3.868.127.389
Chi phí khấu hao	89.956.698	62.690.569
Chi phí bán hàng khác	1.986.993.384	1.022.709.896
	28.687.763.703	33.640.952.240

36. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Chi phí nhân viên	25.638.692.059	16.178.174.455
Chi phí khấu hao	1.513.866.591	1.659.256.414
Chi phí vật liệu quản lý và đồ dùng văn phòng	465.658.947	629.922.085
Thuế, phí và lệ phí	1.482.946.861	1.550.364.726
Chi phí điện, nước	1.506.036.001	1.386.748.619
Chi phí ăn ca	1.221.636.921	797.046.249
Chi phí thuê đất	806.362.524	806.362.528
Chi phí bảo hiểm	-	3.085.297
Công cụ, dụng cụ	1.452.715.513	1.378.570.041
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí quản lý doanh nghiệp khác	10.471.424.915	8.893.281.650
	44.559.340.332	33.282.812.064

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***37. Thu nhập khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	73.909.091	290.286.196
Tiền điện nước thu từ các nhà thầu và các đơn vị khác	1.408.337.968	1.336.676.413
Các khoản khác	6.707.056.839	4.007.482.057
	8.189.303.898	5.634.444.666

38. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	462.686.351.386	480.428.111.071
Chi phí nhân công	313.673.731.151	294.141.579.029
Chi phí khấu hao	27.927.652.086	30.528.021.911
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.312.967.047	123.797.241.406
Chi phí khác	27.053.586.131	27.975.011.563
	935.654.287.801	956.869.964.980

39. Thuế thu nhập**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	18.375.268.031	18.823.584.877
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	-	1.978.722.309
	18.375.268.031	20.802.307.186

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	95.315.612.068	105.538.399.852
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	19.063.122.414	21.107.679.970
Chi phí không được khấu trừ thuế	262.141.234	313.942.416
Thu nhập không bị tính thuế	(949.995.617)	(619.315.200)
	18.375.268.031	20.802.307.186

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

40. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo dự kiến và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần trong kỳ	76.940.344.037	84.736.092.666
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	(11.483.649.249)	(12.647.195.423)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	65.456.694.788	72.088.897.243

- (*) Số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận thuần của kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 được ước tính dựa trên cơ sở tỷ lệ trích quỹ khen thưởng và phúc lợi thực tế của năm 2025.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***(ii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	Đã điều chỉnh lại	
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	65.456.694.788	72.088.897.243
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	20.096.259	20.096.259
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	3.257	3.587

(iii) Điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được điều chỉnh lại theo số phân bổ thực tế lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 26) như sau:

	Lợi nhuận thuần VND	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	73.234.471.455	20.096.259	3.644
Ảnh hưởng của việc phân bổ lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.145.574.212)	-	(57)
Số điều chỉnh lại	72.088.897.243	20.096.259	3.587

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***41. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Công ty mẹ		
<i>Tập đoàn Dệt May Việt Nam</i>		
Mua dịch vụ	108.809.524	60.000.000
Lãi vay ADB	2.214.036.948	2.530.147.976
Lãi vay dự án Quảng Bình	-	468.639.999
Thanh toán gốc vay dự án Quảng Bình	-	11.600.000.000
Thanh toán gốc vay ADB	1.787.555.743	604.171.052
Trả cổ tức bằng tiền	18.345.183.000	24.460.244.000
<i>Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Trung tâm Thời trang Vinatex</i>		
Bán hàng hóa	210.329.583	145.151.388
Mua dịch vụ	61.993.342	43.085.130
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
<i>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội</i>		
Mua hàng hóa	643.916.000	3.227.356.704
<i>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	338.847.121	53.343.629
Mua hàng hóa và dịch vụ	23.827.801	235.249.543
<i>Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	132.024.817	143.689.070
Mua hàng hóa và dịch vụ	39.607.445	33.998.722
<i>Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	131.256.652	114.146.187
Mua hàng hóa và dịch vụ	43.285.362	45.210.199
<i>Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng</i>		
Mua hàng hóa	33.580.800	-
Bán hàng hóa	-	2.527.358.720

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Thành viên Hội đồng quản trị		
<i>Thù lao, lương và thưởng</i>		
Ông Nguyễn Đức Trị – Chủ tịch	707.250.000	705.300.000
Ông Nguyễn Văn Phong – Thành viên	422.250.000	550.967.000
Bà Nguyễn Hồng Liên – Thành viên	42.000.000	42.000.000
Ông Lê Hồng Quân – Thành viên	42.000.000	42.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bình – Thành viên	-	205.300.000
Bà Trần Thị Thuần – Thành viên	42.000.000	14.000.000
Thành viên Ban Điều hành		
<i>Lương và thưởng</i>		
Bà Nguyễn Hồng Liên – Tổng giám đốc	986.184.538	830.779.000
Ông Lê Hồng Quân – Phó Tổng giám đốc	657.758.081	662.755.711
Ông Nguyễn Tiến Hậu – Phó Tổng giám đốc	650.484.639	669.665.912
Ông Đào Văn Tư – Phó Tổng giám đốc	646.692.788	589.930.801
Bà Trần Thị Thuần – Phó Tổng giám đốc	653.692.788	590.238.000
Ông Nguyễn Bá Khánh Tùng – Giám đốc điều hành	528.972.941	566.842.366
Bà Nguyễn Khánh Chi – Kế toán trưởng	481.737.657	503.852.097
Thành viên Ban Kiểm soát		
<i>Thù lao, lương và thưởng</i>		
Bà Phan Nữ Quỳnh Anh – Trưởng ban	183.292.954	203.224.465
Bà Phạm Thị Vân Hà – Thành viên	76.600.000	82.000.000
Ông Hồ Nam Phong – Thành viên	255.239.466	363.414.873

Giao dịch khác với người quản lý chủ chốt

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Trả cổ tức bằng tiền	-	435.026.000

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)



42. Thông tin so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh dưới đây, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đối với số liệu trình bày trong báo cáo tình hình tài chính và các thuyết minh liên quan. Thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh liên quan được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 Công ty áp dụng Thông tư 99 và thay đổi và áp dụng phi hồi tố chính sách kế toán. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, một số số liệu thông tin so sánh được phân loại lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính của kỳ hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ:

	Mã số	1/1/2026 (phân loại lại) VND	1/1/2026 (theo báo cáo trước đây) VND
Các khoản tương đương tiền	112	123.764.328.768	123.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	189.075.060.274	188.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	135	25.120.329.102	26.959.718.144
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	30.291.297.317	-
Phải trả ngắn hạn khác	320	2.971.943.348	33.263.240.665

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Người lập

Thân Thị Kim Phụng
 Thân Thị Kim Phụng
 Kế toán tổng hợp

Kế toán trưởng

Nguyễn Khánh Chi
 Nguyễn Khánh Chi
 Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Nguyễn Hồng Liên
 Nguyễn Hồng Liên
 Tổng Giám đốc

